

Ngày thi: 20/01/2014

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					10		20	20	20	30				100			
1	178214809	TRẦN QUANG	VINH	T17XDDB	10		7	7	8	7				7.5	Bảy phẩy Năm		
2	178214810	NGÔ ĐÌNH QUỐC	HOÀNG	T17XDDB	10		7.5	9	9	8				8.5	Tám phẩy Năm		
3	178214811	HUỖNH MINH	TUẤN	T17XDDB	10		6	7	5	7				6.7	Sáu phẩy Bảy		
4	178214812	ĐÀO THẾ	TĨNH	T17XDDB	10		7	4	6	4				5.6	Năm phẩy Sáu		
5	178214814	LÊ VĂN	THÀNH	T17XDDB	10		6.5	6	7	7				7.0	Bảy		
6	178214815	NGUYỄN BÁ	ÁNH	T17XDDB	0		0	0	0	0				0.0	Không		
7	178214817	VĂN PHÚ	LỘC	T17XDDB	10		7	7	9	7				7.7	Bảy phẩy Bảy		
8	178214820	LÊ VĂN HOÀNG	THỤ	T17XDDB	10		7.5	6	8	6				7.1	Bảy phẩy Một		
9	178214821	PHẠM TRƯỜNG	KHIÊM	T17XDDB	10		7	7	9	7				7.7	Bảy phẩy Bảy		
10	178214822	NGUYỄN NGỌC	VĨ	T17XDDB	10		8.5	5	4	6				6.3	Sáu phẩy Ba		
11	178214824	PHAN NHẬT	QUÝ	T17XDDB	10		8.5	6	5	7				7.0	Bảy		
12	178214825	NGUYỄN VĂN	HUY	T17XDDB	10		7.5	5	4	7				6.4	Sáu phẩy Bốn		
13	178214826	NGUYỄN ĐÌNH	CUÔNG	T17XDDB	10		6	4	6	6				6.0	Sáu		
14	178214827	DUƠNG ĐỨC	THÀNH	T17XDDB	10		6.5	6	7	6				6.7	Sáu phẩy Bảy		
15	178214829	LÊ GIA	NINH	T17XDDB	7.5		0	6	8	6				5.4	Năm phẩy Bốn		
16	178214830	ĐÌNH CAO	CẢNH	T17XDDB	2.5		7.5	0	0	0				1.8	Một phẩy Tám		
17	178214831	PHẠM HOÀNG	LONG	T17XDDB	10		6.5	5	8	6				6.7	Sáu phẩy Bảy		
18	178214832	NGUYỄN HẢI	NAM	T17XDDB	10		8	6	6	7				7.1	Bảy phẩy Một		
19	178214833	LÊ HÙNG	CUÔNG	T17XDDB	10		7.5	6	6	4				6.1	Sáu phẩy Một		
20	178214834	NGUYỄN VĂN	TIỀM	T17XDDB	10		6	7	9	7				7.5	Bảy phẩy Năm		
21	178214835	NGUYỄN BÁ	DUY	T17XDDB	10		7.5	7	7	6				7.1	Bảy phẩy Một		
22	178214838	NGUYỄN DUY	HÙNG	T17XDDB	10		7.5	6	7	6				6.9	Sáu phẩy Chín		
23	178214840	LÊ PHÚ	LỘC	T17XDDB	10		8	6	8	7				7.5	Bảy phẩy Năm		
24	178214843	ĐỖ HỮU	LINH	T17XDDB	10		8.5	6	6	7				7.2	Bảy phẩy Hai		
25	178214844	VÔ HỮU	HÓA	T17XDDB	10		6	8	8	7				7.5	Bảy phẩy Năm		
26	178214845	NGUYỄN	HOÀNG	T17XDDB	10		7.5	6	9	6				7.3	Bảy phẩy Ba		
27	178214848	HUỖNH VĂN	HẢI	T17XDDB	10		6	5	6	6				6.2	Sáu phẩy Hai		
28	178214849	TRỊNH DUY	LINH	T17XDDB	10		7.5	6	4	6				6.3	Sáu phẩy Ba		
29	178214850	LÊ PHƯỚC	VIÊN	T17XDDB	10		6	6	6	4				5.8	Năm phẩy Tám		
30	178224871	PHẠM XUÂN	ĐẠT	T17XDDB	10		7	8	9	8				8.2	Tám phẩy Hai		
31	178224876	TRẦN VĂN	HIẾU	T17XDDB	7.5		0	6	5	4				4.2	Bốn phẩy Hai		
32	168212021	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	T16XDD	10		8	9	8	7				8.1	Tám phẩy Một	33870DT	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	30	94%	
2	Số sinh viên nợ	2	6%	
TỔNG CỘNG :		32	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Phạm Kim Ngọc Lan

ThS. Nguyễn Ân